

Phu lục II

**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP;
ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TẠI KHU VỰC 1**
(Kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

1. PHƯỜNG ÂU LÂU

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu đường	Cuối đường	25.000	15.000	12.500
2	Đường Võ Văn Kiệt	Đầu đường	Cuối đường	25.000	15.000	12.500
3	Đường Phạm Hùng	Đầu đường	Cuối đường	25.000	15.000	12.500
4	Đường Võ Chí Công	Đầu đường	Cuối đường	25.000	15.000	12.500
5	Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Từ đường Nâng cấp Quốc lộ 32C	Đường Âu Cơ	25.000	15.000	12.500
6	Đường nội bộ khu tái định cư thuộc công trình Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lao Cai			10.000	6.000	5.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
7	Đường Hoàng Quốc Việt	Ngã ba cầu Yên Bái	Ngã 4 với đường Võ Văn Kiệt	15.000	9.000	7.500
		Ngã 4 với đường Võ Văn Kiệt	Đường rẽ vào đường đê chống ngập sông Hồng	10.000	6.000	5.000
		Đường rẽ vào đường đê chống ngập sông Hồng	Đến gặp đường 32C nâng cấp - (khu vực quán cá Hà Oanh)	15.000	9.000	7.500
		Từ sau đường 32C nâng cấp	đến hết gặp đường bê tông đi TDP Trục Thanh	10.000	6.000	5.000
		Đoạn tiếp theo	Đến hết địa giới TDP Đông Thịnh	8.000	4.800	4.000
8	Đường 32C nâng cấp	Từ nút giao với đường Hoàng Quốc Việt tại TDP Ngòi Châu	Hết đường đường đôi	30.000	18.000	15.000
		Đoạn tiếp theo	Gặp đường Hoàng Quốc Việt (mặt đường 8m)	13.000	7.800	6.500
9	Đường Bách Lãm	Cầu Bách Lãm	Gặp đường Nâng cấp	40.000	24.000	20.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
			Quốc lộ 32C			
10	Đường nội bộ khu đô thị Riverside, tổ dân phố Ngòi Châu, phường Âu Lâu			20.000	12.000	10.000
11	Đường Tuần Quán	Ranh giới phường Yên Bái	Gặp đường Phạm Hùng	25.000	15.000	12.500
12	Đường đê chống lũ sông Hồng, kết hợp đường giao thông nông thôn	Đường nhựa rộng 10,5m; vỉa hè 5mx2; hành lang đê 5m		25.000	15.000	12.500
13	Đường nhựa nội bộ quỹ đất dọc kè sông Hồng khu vực giáp trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Yên Bái (Rộng 7,5m, hành lang 3mx2)			12.000	7.200	6.000
14	Đường nội bộ khu tái định cư thuộc công trình Đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lao Cai			10.000	6.000	5.000
15	Đường nội bộ Khu tái định cư Đê chống ngập Sông Hồng phường Âu Lâu			10.000	6.000	5.000
16	Đường nội bộ KDC khu đô thị Bách Lãm AB			18.000	10.800	9.000
17	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt vào khu TĐC bệnh viện Phổi tỉnh Yên Bái	Sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt	Vào Khu TĐC bệnh viện Phổi tỉnh Yên Bái	8.000	4.800	4.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
18	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt vào khu TĐC bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	Sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt	Vào khu TĐC bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	8.000	4.800	4.000
19	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt vào khu TĐC cầu Văn Phú (Đường vào Gò Mør)	Sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt	Vào khu TĐC cầu Văn Phú (Đường vào Gò Mør)	7.000	4.200	3.500
20	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt vào khu Tái định cư trường cao đẳng Y tế	Vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt	Vào khu Tái định cư trường cao đẳng Y tế	8.000	4.800	4.000
21	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt vào khu Tái định cư cho các hộ bị bão lũ	Vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt	Vào khu Tái định cư cho các hộ bị bão lũ	10.000	6.000	5.000
22	Đường Âu Cơ	Cầu Văn Phú	Đường nút giao IC 12	30.000	18.000	15.000
23	Đường nội bộ khu TĐC số 5 và khu 5A	Vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt	Vào khu tái định cư số 5 (đường nội bộ khu TĐC số 5)	13.000	7.800	6.500
24	Đường nội bộ Khu 5B và quỹ đất giáp khu 5B			13.000	7.800	6.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
25	Đường Ngô Minh Loan	Cầu Yên Bái	Cầu Ngòi Lâu	20.000	12.000	10.000
		Đoạn tiếp theo	gặp đường Âu Lâu - Quy Mông	25.000	15.000	12.500
		Đoạn tiếp theo	Đến địa giới xã Lương Thịnh	15.000	9.000	7.500
26	Đường khu tái định cư Tổ dân phố Đắng Con	Từ đường Ngô Minh Loan	Nhà văn hóa TDP Đắng Con	6.000	3.600	3.000
27	Đường Âu Lâu - Quy Mông (Tỉnh lộ 166)	Đường Ngô Minh Loan	Nhà văn hóa TDP Đắng Con	9.000	5.400	4.500
		Nhà văn hóa thôn Đắng Con	Giáp ranh xã Quy Mông, tỉnh Lào Cai	7.000	4.200	3.500
28	Đường Ngô Minh Loan đến đầu cầu Hai Luồng	Đường Ngô Minh Loan	Đầu cầu Hai Luồng (Đường nhựa rộng 7,0m; vỉa hè 1,5mx2)	7.000	4.200	3.500
29	Đường Nội bộ trong khu đấu giá và khu TĐC Hai Luồng			6.000	3.600	3.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
30	Đường nội bộ quỹ đất giáp bến xe Nước Mát	Đường nội bộ rộng 6m, hành lang 3mx2		13.000	7.800	6.500
		Đường nội bộ rộng 3m, hành lang giao thông 3mx2		10.000	6.000	5.000
31	Đường từ đường Ngô Minh Loan đi bến phà cũ	Đường Ngô Minh Loan	Đường Trục I	7.000	4.200	3.500
		Đoạn từ đường Trục I	Hết khu di tích Nhà Tầm	6.000	3.600	3.000
		Hết khu di tích Nhà Tầm	Bến phà cũ	5.000	3.000	2.500
32	Đường nhánh từ đường Ngô Minh Loan qua cầu Ngòi Lâu thuộc TDP Nước Mát	Đường Ngô Minh Loan	Cầu qua suối Ngòi Lâu	8.000	4.800	4.000
		Đoạn tiếp theo	hết đường giải cấp phối	6.000	3.600	3.000
33	Đường Trục 1	Đoạn từ sau đường Ngô Minh Loan	Cổng Khu Công Nghiệp	12.000	7.200	6.000
		Cổng Khu Công Nghiệp	Giáp ranh giới xã Quy Mông, tỉnh Lào Cai	8.000	4.800	4.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
34	Đường Nội bộ trong khu đấu giá và khu TĐC Trục I			6.000	3.600	3.000
35	Đường nội bộ khu tái định cư khu công nghiệp Âu Lâu tổ DP Châu Giang			6.000	3.600	3.000
36	Đường quỹ đất dân cư thuộc TDP Hợp Minh 1+2 (Từ sau VT1 đường Ngô Minh Loan Hết quỹ đất dân cư tổ 1+2)	Sau VT1 đường Ngô Minh Loan	Gặp đường bê tông rẽ vào giếng làng	10.000	6.000	5.000
		Đoạn tiếp theo	Hết quỹ đất dân cư tổ 1+2	8.000	4.800	4.000
37	Đường Hợp Minh - Mỹ	Ngã 3 Hợp Minh	Hết cầu Đàm Mủ	12.000	7.200	6.000
		Hết cầu Đàm Mủ	Ngã ba bà Chắt	8.000	4.800	4.000
		Ngã ba bà Chắt	Giáp ranh xã Việt Hồng, tỉnh Lào Cai	6.000	3.600	3.000
38	Quốc lộ 32C	Từ hết TDP Đông Thịnh	Đến đường đôi đi đường Âu Cơ	8.000	4.800	4.000
		Đoạn tiếp theo	Giáp xã Hiền Lương, tỉnh Phú Thọ	6.000	3.600	3.000
39	Đường nút giao IC12	Đầu đường	Hết đường rộng 10,5m	15.000	9.000	7.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		Đoạn tiếp theo	Địa giới xã Việt Hồng			
40	Đường vào khu tái định cư TDP Ngọn Ngòi			8.000	4.800	4.000
41	Đường vào khu tái định cư TDP Trục Thanh			10.000	6.000	5.000
42	Đường nối từ Quốc lộ 32C vào khu tái định cư TDP Hòa Quân	Quốc lộ 32	Vào khu tái định cư TDP Hòa Quân	6.000	3.600	3.000
43	Đường vào khu tái định cư cụm công nghiệp TDP Trục Thanh, phường Âu Lâu (Gia đoạn I và giai đoạn 2)	Các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường nội bộ R: 10,5m có khoảng cách	Đường Âu Cơ khoảng 100m, (từ lô số 15 đến lô số 27 theo BĐ phân lô số 10/2020/BĐ-PL)	8.000	4.800	4.000
44	Đường vào Khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng tại tổ dân phố Khe Ngay			10.000	6.000	5.000
45	Đường khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng tại tổ dân phố Đồng Danh			10.000	6.000	5.000
46	Đường khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng tại tổ dân phố Bảo Hưng			10.000	6.000	5.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
47	Đường khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng tại tổ dân phố Bình Trà			10.000	6.000	5.000
48	Đường khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại tổ dân phố Nước Mát			10.000	6.000	5.000
49	Khu đất bố trí tái định cư dự án nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương tại tổ dân phố Tiền Phong (giao đất tái định cư năm 2025). Lô 646; lô 642; lô 418; lô 424; lô 422			13.000	7.800	6.500
50	Đường giao thông có độ rộng mặt đường rộng từ 5,5 m đến 6,5m			6.000	3.600	3.000
51	Đường giao thông có độ rộng mặt đường rộng từ dưới 3,5 m đến 5,5m			5.000	3.000	2.500
52	Đường giao thông có độ rộng mặt đường rộng từ dưới 2,5 m đến 3,5m			4.000	2.400	2.000
53	Các tuyến đường khác còn lại			3.000	1.800	1.500
54	Đường TDP Hợp Minh 5 đi ngã ba Bảo Hưng	Ngã 4 với đường Võ Văn Kiệt qua ngã 3 Bảo Hưng cũ	Gặp đường bê tông vào nhà văn hóa TDP Bảo Lâm	6.000	3.600	3.000